

Bản án số: 225/2017/HSST
Ngày 21 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân

2. Bà Dương Thị Thắm

- *Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 262/2017/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/HSST-QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thùy D. – Sinh năm 197X; ĐKKHKT và nơi ở: Số 181 tổ 14 phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Xuân K. và bà Bùi Thị Quý N.; Chồng: Nguyễn Tùng L., có 01 con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không; Danh chỉ bản số 164 lập ngày 24/01/2017 tại Công an quận Hai Bà Trưng; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Bùi Xuân H., sinh năm 196X; trú tại: Thôn Đ, phường T, quận H, Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trình Năng L., sinh năm 197X, trú tại: Xóm 5 phố Đ, phường K, quận H, Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

- Anh Nguyễn Xuân Đ., sinh năm 196X; trú tại: Tổ 10 phố Đ, phường K, quận H, Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Ông Trương Trọng B., sinh năm 195X; trú tại: Số 42 ngõ 236 phố Đ, phường K, quận H, Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Ông Bùi Xuân C., sinh năm 194X; trú tại: Tổ 17 L, quận H, Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Nguyễn Thị L., sinh năm 195X; trú tại: Tổ 10 phố Đ, phường K, quận H, Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Đỗ Đăng C., sinh năm 196X; trú tại: Số 95 ngõ 236 phố Đ, phường K, quận H, Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Trương Thị T., sinh năm 195X; trú tại: Số 33+35 ngõ 86 phố Đ, phường K, quận H, Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có khả năng xin việc nhưng khoảng tháng 9/2000, Nguyễn Thùy D. nói với anh Bùi Xuân H. là mình có khả năng xin việc cho người khác vào làm tại Công ty Công viên thống nhất với mức chi phí là 6.000.000 đồng/người. Anh H. tin là thật nên nói với bạn là anh Trình Năng L. để anh L. nhận hồ sơ của họ hàng nhờ xin việc. Anh L. nhận tổng cộng 14 hồ sơ và số tiền 51.500.000 đồng từ anh Nguyễn Xuân Đ., ông Trương Trọng B., ông Bùi Xuân C., bà Nguyễn Thị L., anh Đỗ Đăng C., chị Nguyễn Thị V. và Trương Thị T.. Anh L. đưa 14 hồ sơ và số tiền trên cho anh H. để xin việc làm cho 14 người gồm: Trần Thị L., Trần Văn Đ., Nguyễn Xuân Đ., Trương Thị Kim C., Nguyễn Đình K., Bùi Thị Thu H., Trương Thị Ngọc H., Nguyễn Thị T., Đỗ Đăng Đ., Nguyễn Văn B., Bùi Thị Diệu H., Nguyễn Thị Thu P., Nguyễn Thị Tuyết C., Bùi Xuân C.. Ngoài nhận tiền và hồ sơ của anh L., anh H. còn nhận 01 bộ hồ sơ của Trần Văn K. (không rõ năm sinh, địa chỉ cũ năm 2000 là Xóm 1, Bắc Cầu, Ngọc Thụy, Gia Lâm) và số tiền 3.500.000 đồng. Sau đó, anh H. đưa cho D. 15 bộ hồ sơ xin việc và tổng số tiền 54.500.000 đồng làm nhiều lần tại nhà chồng Dương ở địa chỉ 68 phố Đ., phường C., quận H., Thành phố Hà Nội và quán café 314 phố B., phường L., quận H., Thành phố Hà Nội. Khi nhận hồ sơ D. hứa sau 03 tháng sẽ có kết quả nhưng sau đó D. tiêu sài hết số tiền trên. Do bị anh H. nhiều lần đòi tiền, đến tháng 5/2001 D. đã trả cho anh H. số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 04/6/2001, anh H. đưa D. đến Công an phường L. trình báo. Tại cơ quan Công an, D. thừa nhận hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp 9.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, sau đó bị cáo bỏ trốn. Ngày 18/7/2001, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H. đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thùy D. về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự và ra quyết định truy nã. Ngày

20/01/2017, Nguyễn Thùy D. bị bắt theo Quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra Công an quận H., Nguyễn Thùy D. đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Quá trình điều tra xác định, sau khi bị D. lừa đảo chiếm đoạt 54.500.000 đồng rồi bỏ trốn, anh Bùi Xuân H. đã tự thanh toán lại toàn bộ số tiền nhờ xin việc cho anh Trình Năng L. và anh Trần Văn K.. Anh H. không biết năm sinh, địa chỉ của anh K. do quá lâu anh không liên lạc với anh K.. Quá trình xác minh tại Công an phường N., quận L. thì không có người như trên tại địa chỉ Xóm 1, Bắc Cầu, Ngọc Thụy, Gia Lâm. Anh Trình Năng L. không có yêu cầu anh H. bồi thường về dân sự và anh cũng đã tự thanh toán lại toàn bộ số tiền nhờ xin việc cho 07 người: anh Nguyễn Xuân Đ., ông Trương Trọng B., ông Bùi Xuân C., bà Nguyễn Thị L., anh Đỗ Đăng C., chị Nguyễn Thị V. và bà Trương Thị T.. Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Xuân Đ., ông Trương Trọng B., ông Bùi Xuân C., bà Nguyễn Thị L., anh Đỗ Đăng C. và bà Trương Thị T. đều có lời khai là đã nhận lại toàn bộ số tiền xin việc đã đưa cho anh L. và không có yêu cầu gì khác. Riêng chị Nguyễn Thị V., anh L. đã tự trả lại đầy đủ số tiền xin việc cho chị V., do lâu không liên lạc nên anh không nhớ năm sinh, không biết địa chỉ của chị V..

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thùy D. và anh Bùi Xuân H. đã thỏa thuận bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh H. tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Anh H. không có yêu cầu gì về dân sự.

Quá trình điều tra xác định, cũng với phương thức, thủ đoạn như trên, Nguyễn Thùy D. hứa xin việc cho anh Hồ Sỹ H. (SN 1978, HKTT: Xóm 9A xã H., huyện N., Nghệ An) vào làm việc tại Công ty Bưu chính viễn thông Hà Nội. Tin là thật, anh H. đã đưa hồ sơ xin việc và số tiền 14.630.000 đồng và 400USD cho Dương. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được Dương đã sử dụng hết. Hiện anh H. vắng mặt tại nơi cư trú nên ngày 31/5/2017, Cơ quan CSĐT Công an quận H. đã ra quyết định tách các tài liệu liên quan đến hành vi của D. để tiếp tục điều tra, xử lý.

Đối với 18 bộ hồ sơ xin việc thu giữ của D. hiện đang bị thất lạc, Cơ quan CSĐT Công an quận H. quyết định tách tài liệu có liên quan để tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 201/CT/VKS-HS ngày 27/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thùy D. về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên.

Bị cáo và người bị hại anh Bùi Xuân H. giữ nguyên thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại như sau: Nguyễn Thùy D. sẽ bồi thường cho anh số tiền 80.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp

luật, anh không có yêu cầu gì khác về dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trình Năng L. đã nhận lại đầy đủ tiền xin việc do anh H. trả cho anh, anh cũng đã thanh toán đầy đủ số tiền xin việc cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, nay anh không có yêu cầu gì khác về dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Xuân Đ., ông Trương Trọng B., ông Bùi Xuân C., bà Nguyễn Thị L., anh Đỗ Đăng C. và bà Trương Thị T. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy báo đến tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra và nhận lại đầy đủ số tiền xin việc từ anh L., không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 1239; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy D. mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người bị hại.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H., thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H. trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 9/2000, tại nhiều địa điểm khác nhau thuộc địa bàn quận H., Thành phố Hà Nội, Nguyễn Thùy D. đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm anh Bùi Xuân H, tin tưởng D, có khả năng xin việc làm cho người khác mà đưa tiền cho D,. Với thủ đoạn này, D. đã chiếm đoạt của anh H. số tiền 54.500.000 đồng.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Mặc dù bản thân không có khả năng xin việc cho người khác nhưng do hám lời bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét : tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo , ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về phần dân sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại anh Bùi Xuân H. đã thỏa thuận bị cáo sẽ bồi thường cho anh H. số tiền 80.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, anh Hải không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trình Năng L., anh Nguyễn Xuân Đ., ông Trương Trọng B., ông Bùi Xuân C., bà Nguyễn Thị L., anh Đỗ Đăng C. và bà Trương Thị Th. đã nhận lại đầy đủ số tiền xin việc, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bồi thường thiệt hại.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thùy D.** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thùy D.** 30 (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.
3. Về dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 587, 589, 590, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thùy D. và người bị hại anh Bùi Xuân H. như sau: Bị cáo Nguyễn Thùy D. sẽ bồi thường 80.000.000 đồng cho anh Bùi Xuân H. trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.
4. Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.
5. Áp dụng các điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát ND Q. H.;
- Công an Q. H.;
- Chi cục THADS Q. H.;
- Trại tạm giam số 1 CATPHN;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- UBND phường K., quận Đ., Thành phố Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Phương